

Số: 146a/BC-THHN

Hừa Ngai, ngày 16 tháng 6 năm 2025

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học: 2024-2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Tên trường:

Trường PTDTBT Tiểu học Hừa Ngai.

#### 2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của nhà trường:

Địa chỉ: Bản Há Là Chủ A, xã Hừa Ngai, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0983954204

Website: <https://thhuangai.muongcha.edu.vn/admin>

#### 3. Loại hình, cơ quan quản lý trực tiếp:

Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo; UBND huyện Mường Chà.

#### 4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

##### 4.1. Sứ mệnh

Xây dựng môi trường học tập toàn diện, thân thiện, hợp tác có chất lượng giáo dục cao, ở đây mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển bộc lộ hết tài năng của mình.

##### 4.2. Tầm nhìn

Trường PT DTBT tiểu học Hừa Ngai là một ngôi trường có chất lượng giáo dục cao và toàn diện, là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và vươn tới thành công.

##### 4.3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường:

- |                 |                         |
|-----------------|-------------------------|
| * Tình nhân ái  | * Tính trung thực       |
| * Sự hợp tác    | * Tinh thần trách nhiệm |
| * Tính sáng tạo | * Lòng tự trọng         |

##### 4.4. Mục tiêu chung:

Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

## **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển nhà trường**

Trường PTDTBT Tiểu học Hòa Ngãi huyện Mường Chà tiền thân là trường Tiểu học Hòa Ngãi được thành lập theo QĐ số 342/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2005 trên cơ sở chia tách từ trường THCS Hòa Ngãi huyện Mường Chà, chính thức thành lập ngày 01/8/2005. Đến tháng 01/8/2014 trường Tiểu học Hòa Ngãi được đổi tên trường thành trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Hòa Ngãi theo QĐ số 745/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của UBND huyện Mường Chà về việc đổi tên, thành lập trường Phổ thông dân tộc bán trú. Mục tiêu hiện nay của trường là giáo dục con em các dân tộc xã nhà có đủ năng lực, phẩm chất và trí tuệ để sau này phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong những năm qua nhà trường đã phấn đấu không ngừng hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm học. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng nhà trường đang từng bước phát triển bền vững và ngày càng trưởng thành, đã đang và sẽ trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục tốt, một địa chỉ tin cậy của cha mẹ học sinh địa phương.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường để đáp ứng đòi hỏi mới nền kinh tế xã hội.

Trong những năm qua, Trường PT DTBT tiểu học Hòa Ngãi liên tục được công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc” và tặng Giấy khen, Bằng khen. Hằng năm, có trên 80% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến, 6-7 cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”, nhiều lượt cá nhân được tặng Bằng khen, giấy khen của các cấp.

Năm học 2017-2018, trường PT DTBT Tiểu học Hòa Ngãi đã phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen; năm 2018-2019 được UBND Tỉnh Điện Biên tặng cờ thi đua xuất sắc; năm 2019-2020 được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Trường được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3; Xóa mù chữ mức độ 2 năm 2015. Năm học 2014-2015, trường được công nhận là trường chuẩn Quốc gia mức độ 1. Năm học 2019-2020 trường được kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2; chuẩn Quốc gia mức độ 1. Năm học 2024-2025 trường tiếp tục được kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2; chuẩn Quốc gia mức độ 1, cho đến nay, nhà trường tiếp tục phấn đấu về mọi mặt để nâng cao chất lượng giáo dục, đạt được một số tiêu chí của trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Nhà trường đã từng bước cải tạo, xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu dạy và học, xây dựng nhà trường xanh – sạch – đẹp – thân thiện; chất lượng giáo viên được nâng cao, nhà trường có 29,0% giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh; chất lượng học sinh được nâng lên rõ rệt, hàng năm có trên 99% học sinh hoàn thành chương trình lớp học, tỷ lệ học sinh hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc ngày càng cao.

**Tình hình học sinh qua các năm:**

Năm học	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng số lớp	Tổng số HS
2021-2022	131	126	99	105	112	21	573
2022-2023	111	127	126	100	105	21	569
2023-2024	138	112	127	125	100	22	602
2024-2025	99	138	108	129	126	22	600
2025-2026	109	100	138	109	129	21	585

**Tình hình cán bộ giáo viên qua các năm**

Năm học	Tổng số lớp	Số cán bộ QL	Số giáo viên	Số nhân viên	Trình độ Đại học trở lên
2021-2022	21	4	32	5	28
2022-2023	21	3	30	5	31
2023-2024	22	3	31	7	34
2024-2025	22	3	31	7	34
2025-2026	21	3	32	7	35

**6. Thông tin người đại diện pháp luật của nhà trường.**

Người đại diện pháp luật: Phạm Văn Diên

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Bản Há Là Chủ A, xã Hừa Ngải, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 0983954204

Gmail: dienpv.thuangai.muongcha@dienbien.edu.vn

**7. Tổ chức bộ máy**

**a) Quyết định thành lập nhà trường**

Trường PTDTBT Tiểu học Hừa Ngải huyện Mường Chà tiền thân là trường Tiểu học Hừa Ngải được thành lập ngày 01/8/2005 theo QĐ số 342/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2005 của UBND huyện Mường Chà, đặt tại Bản Há Là Chủ A, xã Hừa Ngải, huyện Mường Chà.

**b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường**

Quyết định số 5480/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND huyện Mường Chà về việc thành lập Hội đồng trường PTDTBT Tiểu học Hừa Ngải nhiệm kỳ 2023-2028.

Danh sách Hội đồng trường:

T	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh HĐ	Ghi chú
1	Phạm Văn Diên	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	PTDTBT Tiểu học Hừa Ngải	Chủ tịch Hội đồng	

2	Lý A Lồng	Chủ tịch Công đoàn	PTDTBT Tiểu học Hòa Ngãi	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Thùy Dương	Tổ trưởng CM khối 4+5	PTDTBT Tiểu học Hòa Ngãi	Thư ký	
4	Sin Văn Đanh	P. Hiệu trưởng	PTDTBT Tiểu học Hòa Ngãi	Ủy viên	
5	Lò Văn Trường	P. Hiệu trưởng	PTDTBT Tiểu học Hòa Ngãi	Ủy viên	
6	Hoàng Văn Long	Bí thư Chi đoàn	PTDTBT Tiểu học Hòa Ngãi	Ủy viên	
7	Hoàng Thu Trang	Tổ trưởng CM khối 1	PTDTBT Tiểu học Hòa Ngãi	Ủy viên	
8	Lường Thị Viên	Tổ trưởng CM khối 2+3	PTDTBT Tiểu học Hòa Ngãi	Ủy viên	
9	Ngô Thị Là	Tổ trưởng tổ văn phòng	PTDTBT Tiểu học Hòa Ngãi	Ủy viên	
10	Vàng A Sáng	Phó Chủ tịch UBND xã	Phó Chủ tịch UBND xã	Ủy viên	
11	Sùng A Pênh	Phụ huynh học sinh	Phụ huynh học sinh	Ủy viên	

**c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.**

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 6219/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của UBND huyện Mường Chà Về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

Quyết định bổ nhiệm lại phó Hiệu trưởng: Quyết định số 5716/QĐ-UBND ngày 25/07/2024 của UBND huyện Mường Chà Về việc bổ nhiệm lại viên chức giữ chức vụ quản lý.

Quyết định điều động và bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 23/04/2024 của UBND huyện Mường Chà Về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý.

**d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường.**

**Cơ chế hoạt động của trường PTDTBT Tiểu học Hòa Ngãi**

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

### **Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường**

Trường PTDTBT Tiểu học Hừa Ngải huyện Mường Chà được thành lập ngày 01/8/2005 theo QĐ số 342/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2005 của UBND huyện Mường Chà, đặt tại Bản Há Là Chủ A, xã Hừa Ngải, huyện Mường Chà.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

**Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường**

- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 26 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 42 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có hơn 38 đoàn viên.
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 03 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

**đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường**

T T	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Phạm Văn Diên	Hiệu trưởng	0983954204	dienpv.thuangai.muongcha@dienbien.edu.vn
2	Sìn Văn Đạnh	Phó Hiệu trưởng	0367933765	danhsv.ptdtbtthuan gai.muongcha@dienbien.edu.vn
3	Lò Văn Trường	Phó Hiệu trưởng	0985311788	truonglv.thmathiho.muongcha@dienbien.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: Bản Há Là Chủ A, xã Hừa Ngải, huyện Mường Chà.

**8. Các văn bản khác của nhà trường:**

+ Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 04/KH-THHN ngày 20/04/2021 Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2025.

+ Quyết định số 208/QĐ-THHN ngày 19/9/2024 ban hành Quy chế làm việc của trường PTDTBT TH Hừa Ngải năm học 2024-2025.

+ Quy chế thi đua, khen thưởng.

+ Quy chế dân chủ ở cơ sở.

+ Quy chế chi tiêu nội bộ.

Tất cả các văn bản trên đều được công khai trên website nhà trường.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng người làm việc được giao	Số lượng người làm việc hiện có
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý</b>	<b>03</b>	<b>03</b>
1	Vị trí: Hiệu trưởng	01	01
2	Vị trí: Phó Hiệu trưởng	02	02
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành</b>	<b>32</b>	<b>32</b>
3	Vị trí việc làm: Giáo viên tiểu học hạng I	0	0
4	Vị trí việc làm: Giáo viên tiểu học hạng II	0	0
5	Vị trí việc làm: Giáo viên tiểu học hạng III	32	32
6	Vị trí việc làm: Giáo vụ	0	0
7	Vị trí việc làm: Tư vấn học sinh	0	0
8	Vị trí việc làm: Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0
<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung</b>	<b>05</b>	<b>05</b>
9	Vị trí việc làm: Thư viện, thiết bị	01	01
10	Vị trí việc làm: Văn thư	01	01
11	Vị trí việc làm: Kế toán	01	01
12	Vị trí việc làm: Y tế học đường	01	01
13	Nhân viên thủ quỹ	01	01
<b>IV</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ</b>	<b>05</b>	<b>05</b>
14	Vị trí việc làm: Nhân viên bảo vệ	02	02
15	Vị trí việc làm: Nhân viên nấu ăn	03	03
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>

+ Trình độ được đào tạo:

STT	Chức vụ	Số lượng	Trình độ				
			Trên ĐH	Đại học	CD	TC	Khác
1	CBQL	3	0	3	0	0	0
2	GV	32	0	32	0	0	0
3	NV	7	0	1	1	2	3
	<b>Tổng</b>	<b>42</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>

+ 100% Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

+ Các Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

+ Số GV dạy giỏi các cấp: Cấp trường: 20 đ/c; Cấp huyện: 08 đ/c; Cấp tỉnh: 02 đ/c.

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm báo cáo		Năm trước liền kề báo cáo	
		Số lượng	Bình quân	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	22/22	Số m <sup>2</sup> /học sinh	22/22	Số m <sup>2</sup> /học sinh
II	Loại phòng học	22	-	22	-
1	Phòng học kiên cố	13	-	14	-
2	Phòng học bán kiên cố	9	-	8	-
3	Phòng học tạm	0	-	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-	0	-
III	Số điểm trường lẻ	4	-	5	-
IV	Tổng diện tích đất (m <sup>2</sup> )	11.538	19,23	11.538	19,16
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m <sup>2</sup> )	4.030	6,72	4.030	6,69
VI	Tổng diện tích các phòng	1.081	1,80	1.081	1,79
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	836	1,39	836	1,39
2	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	80		80	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m <sup>2</sup> )	0		0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m <sup>2</sup> )	35		35	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m <sup>2</sup> )	35		35	
6	Diện tích phòng học tin học (m <sup>2</sup> )	35		35	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m <sup>2</sup> )	40		40	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết	0		0	



	tật học hòa nhập ( $m^2$ )				
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội ( $m^2$ )	20		20	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)	22	Số bộ/lớp	22	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	22		22	
1.1	Khối lớp 1	6	1 bộ/lớp	7	1 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	4	1 bộ/lớp	4	1 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	4	1 bộ/lớp	4	1 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	4	1 bộ/lớp	4	1 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	4	1 bộ/lớp	3	1 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0		0	
2.1	Khối lớp 1	0		0	
2.2	Khối lớp 2	0		0	
2.3	Khối lớp 3	0		0	
2.4	Khối lớp 4	0		0	
2.5	Khối lớp 5	0		0	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập</b> (Đơn vị tính: bộ)	19	1,8 học sinh/bộ	16	2,2 học sinh/bộ
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/lớp		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	8		8	
2	Cát xét	15		15	
3	Đầu Video/đầu đĩa	3		3	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	21		21	
5	Thiết bị khác...				

	Nội dung	Số lượng(m <sup>2</sup> )		
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	45		
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	120		
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	0	0	0
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>	16	450	1m <sup>2</sup> /chỗ

<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		7		144/600=0,24m <sup>2</sup>
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
<b>XV</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	x	
<b>XVI</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>	x	
<b>XVII</b>	<b>Kết nối internet</b>	x	
<b>XVIII</b>	<b>Trang thông tin điện tử (website) của trường</b>	x	
<b>XIX</b>	<b>Tường rào xây</b>	x	

\* Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: (có thông báo danh mục SGK hằng năm kèm theo).

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**\* Kết quả tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục:**

*Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>				
Tiêu chí 1.1		X	X	-
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	-	-
Tiêu chí 1.6		X	X	-
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	-
Tiêu chí 2.3		X	X	-
Tiêu chí 2.4		X	X	X
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				
Tiêu chí 3.1		X	-	-
Tiêu chí 3.2		X	X	-
Tiêu chí 3.3		X	X	-
<b>Tiêu chuẩn 4</b>				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	-
<b>Tiêu chuẩn 5</b>				
Tiêu chí 5.1		X	X	-
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X

Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

**Kết quả:** Đạt Mức 2.

**Đánh giá tiêu chuẩn Mức 4**

Tiêu chuẩn	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục		x	
2. Đảm bảo 100% cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu hoàn thành mục tiêu GD dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.		x	
3. Thư viện có hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.		x	
4. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.	x		
5. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả GD, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.		x	
6. Tỷ lệ GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 20%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 70% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV đạt mức tốt.		x	
7. Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 97%; tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi HTCTTH đạt 100%.	x		

**Kết quả:** Không đạt Mức 4.



	1	99	42	57	0	41	58	0	41	58	0	41	58	0	41	58	0
	2	138	65	73	0	63	75	0	62	76	0	65	73	0	63	75	0
	3	109	57	52	0	57	52	0	57	52	0	58	51	0	57	52	0
	4	129	54	75	0	56	73	0	54	75	0	56	73	0	57	72	0
	5	126	63	63	0	56	70	0	60	66	0	60	66	0	58	68	0
	<b>Tổng</b>	<b>601</b>	<b>281</b>	<b>320</b>	<b>0</b>	<b>273</b>	<b>328</b>	<b>0</b>	<b>274</b>	<b>327</b>	<b>0</b>	<b>280</b>	<b>321</b>	<b>0</b>	<b>276</b>	<b>325</b>	<b>0</b>

Năng lực khoa học			Năng lực Tin học			Năng lực Công nghệ			Năng lực thẩm mỹ			Năng lực thể chất		
Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
43	56	0	x	x	x	x	x	x	43	56	0	47	52	0
65	73	0	x	x	x	x	x	x	72	66	0	68	70	0
57	52	0	66	43	0	58	51	0	58	51	0	57	52	0
61	68	0	62	67	0	57	72	0	64	65	0	64	65	0
61	65	0	59	67	0	61	65	0	60	66	0	62	64	0
<b>287</b>	<b>314</b>	<b>0</b>	<b>187</b>	<b>177</b>	<b>0</b>	<b>176</b>	<b>188</b>	<b>0</b>	<b>297</b>	<b>304</b>	<b>0</b>	<b>298</b>	<b>303</b>	<b>0</b>

**Kết quả phẩm chất lớp  
1,2,3,4,5**

Tổng số	Yêu nước			Nhân ái			Chăm chỉ			Trung thực			Trách nhiệm		
	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
99	50	49	0	46	53	0	47	52	0	47	52	0	48	51	0
138	73	65	0	71	67	0	68	70	0	67	71	0	71	67	0
109	73	36	0	61	48	0	70	39	0	72	37	0	61	48	0
129	60	69	0	62	67	0	55	74	0	57	72	0	62	67	0
126	58	68	0	61	65	0	58	68	0	61	65	0	58	68	0
<b>601</b>	<b>314</b>	<b>287</b>	<b>0</b>	<b>301</b>	<b>300</b>	<b>0</b>	<b>298</b>	<b>303</b>	<b>0</b>	<b>304</b>	<b>297</b>	<b>0</b>	<b>300</b>	<b>301</b>	<b>0</b>

**\* Chất lượng môn Tiếng Việt và Toán:**

Khối	Tổng số học sinh	Kết quả môn Tiếng Việt			Kết quả môn Toán			Ghi chú
		Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành	
1	6	99	41	58	0	41	58	
2	4	138	66	72	0	63	75	
3	4	109	57	52	0	57	52	
4	4	129	57	72	0	57	72	
5	4	126	64	62	0	74	52	
<b>Tổng</b>	<b>22</b>	<b>601</b>	<b>285</b>	<b>316</b>	<b>0</b>	<b>292</b>	<b>309</b>	

**3. Số học sinh hoàn thành chương trình lớp học; Hoàn thành chương trình Tiểu học, kết quả các hội thi:**

- Hoàn thành chương trình lớp học: 601/601 đạt tỷ lệ 100% (gồm 02 học sinh khuyết tật học hòa nhập).
- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 126/126 em, đạt tỷ lệ 100%.
- Có 04 giải khuyến khích giao lưu học sinh môn Toán, Tiếng Việt cấp huyện.

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu (nếu có) để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Căn cứ vào tình hình thực tế, trường đã ban hành các quy chế thực hiện công tác công khai, quản lý tài sản. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kỳ tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ. Trong quá trình thực hiện, khi có điểm chưa phù hợp hoặc có vấn đề phát sinh do hướng dẫn chỉ đạo thay đổi của cơ quan quản lý tài chính cấp trên, quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

Nhà trường thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản bảo đảm đúng luật, công khai, minh bạch. Đồng chí hiệu trưởng luôn nhận thức đúng đắn trách nhiệm của mình trong việc huy động và sử dụng nguồn tài chính bảo đảm tiết kiệm nhưng có hiệu quả cao nhất, huy động nguồn tài chính và biết tổ chức phân phối, sử dụng các nguồn tài chính hợp lý nhằm phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập ngày càng tốt.

Cơ sở vật chất, tài sản của nhà trường được sử dụng triệt để. Một số tài sản của trường được đưa tới từng lớp, bàn giao cho GV và HS bảo quản, sử dụng có hiệu quả. Trường luôn quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích để phục vụ các hoạt động giáo dục, cuối mỗi năm có báo cáo cấp trên. Phòng tài vụ tham mưu cho đồng chí Hiệu trưởng về công tác quản lý tài chính, tài sản trong trường, thường xuyên bảo dưỡng, nghiêm túc kiểm kê theo định kỳ.

### **1. Các căn cứ công khai tài chính năm 2024**

Căn cứ QĐ 410/QĐ – PGDDĐT ngày 29/12/2023 V/v Giao dự toán chi ngân sách cho các trường thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo huyện năm 2024 (có QĐ kèm theo)

Căn cứ QĐ 411/QĐ – PGDDĐT ngày 29/12/2023 V/v giao dự toán cho các đơn vị trường để thực hiện chính sách theo nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 của Chính Phủ, chính sách giáo dục đối với người khuyết tật, chính sách hỗ trợ theo Nghị định 105/2020/NĐ - CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ, chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị Định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính Phủ, và chính sách hỗ trợ học tập HS dân tộc ít người theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP 4 tháng cuối năm 2023 và 5 tháng đầu năm 2024 (có QĐ kèm theo).

Căn cứ QĐ 96/QĐ – PGDDĐT ngày 22/03/ 2024 V/v điều chỉnh dự toán chi ngân sách của đơn vị trường năm 2024 (Có QĐ kèm theo).

Căn Cứ QĐ 110/QĐ – PGDDĐT ngày 05/04/2024 V/v giao bổ sung kinh phí cho các đơn vị trường thực hiện chính sách tinh giảm biên chế (đợt 1 năm 2024) (có QĐ kèm theo).

Căn cứ QĐ 135/QĐ – PGDDĐT ngày 24/05/2024 V/v Giao dự toán bổ sung cho các đơn vị trường để thực hiện chính sách theo NĐ 116/2016/NĐ – CP ngày 18/07/2016 của Chính phủ, theo chính sách giáo dục đối với người khuyết tật, chính sách hỗ trợ theo NĐ 105/2020/NĐ –CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ, Chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ – CP ngày 27/08/2021 của chính phủ, và chính sách hỗ trợ học tập của HS dân tộc rất ít người theo nghị định 57/2017/NĐ – CP năm 2022 và 5 tháng đầu năm 2024 (Có QĐ kèm theo).

Căn cứ QĐ 6778/QĐ – UBND ngày 14/08/2024 V/v thực hiện tiết kiệm 5% chi thường xuyên ngân sách năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/08/2024 của Chính Phủ, ( có QĐ kèm theo).

Căn cứ QĐ 304/QĐ – PGDDĐT ngày 04/10/2024 V/v Giao dự toán cho các đơn vị trường để thực hiện chính sách theo NĐ 116/2016/NĐ – CP ngày 18/07/2016 của Chính phủ, theo chính sách giáo dục đối với người khuyết tật, chính sách hỗ trợ theo NĐ 105/2020/NĐ –CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ, Chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ – CP ngày 27/08/2021 của chính phủ, và chính sách hỗ trợ học tập của HS dân tộc rất ít người theo nghị định 57/2017/NĐ – CP năm 2022 4 tháng cuối năm 2024 (Có QĐ kèm theo).



Căn cứ QĐ 337/QĐ – PGDDĐT ngày 31/10/2024 V/v điều chỉnh dự toán chi ngân sách cho các đơn vị trường năm 2024, ( có QĐ kèm theo).

Căn cứ QĐ 353/QĐ – PGDDĐT ngày 14/11/2024 V/v Điều chỉnh, giao bổ sung dự toán chi ngân sách cho các trường Mầm Non, Tiểu học, THCS để thực hiện 1 số nhiệm vụ phát sinh trong năm 2024 (có QĐ kèm theo).

Căn cứ QĐ 397/QĐ - PGDDĐT ngày 31/12/2024 V/v điều chỉnh nguồn kinh phí cải cách tiền lương năm 2024 của phòng GDDĐT và các đơn vị trường Tiểu học và THCS (Có QĐ kèm theo).

Căn cứ QĐ 398/QĐ - PGDDĐT ngày 31/12/2024 V/v giao dự toán cải cách tiền lương và tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ - CP của Chính phủ cho các trường mầm non, tiểu học, THCS năm 2024 của phòng GDDĐT và các đơn vị trường Tiểu học và THCS (Có QĐ kèm theo).

## 2. Các chỉ số đánh giá về tài chính

STT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (năm 2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo (năm 2024)
1	Biên độ hoạt động trung bình ba năm		
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững		

## 3. Kết quả thu chi hoạt động

STT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (năm 2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo (năm 2024)
<b>A</b>	<b>Tổng thu hoạt động</b>		
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ thường xuyên từ nhà Nước/nhà đầu tư</b>		
<b>II</b>	<b>Thu giáo dục và đào tạo</b>		
<b>1</b>	<b>Học phí, lệ phí người học</b>		
<b>2</b>	<b>Hợp đồng, tài trợ từ NSNC</b>		
<b>3</b>	<b>Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài</b>		
<b>4</b>	<b>Thu khác</b>		
<b>III</b>	<b>Thu khoa học và công nghệ</b>		
<b>1</b>	<b>Hợp đồng, tài trợ từ NSNC</b>		
<b>2</b>	<b>Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài</b>		
<b>3</b>	<b>Thu khác</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu khác (Thu nhập dòng)</b>		

<b>B</b>	<b>TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG</b>		
<b>I</b>	<b>Chi lương, thu nhập</b>	10.429.610.000	9.151.539.000
<b>1</b>	<b>Chi lương, thu nhập của giảng viên</b>		
<b>2</b>	<b>Chi lương thu nhập cho cán bộ khác</b>		
<b>II</b>	<b>Chi cơ sở vật chất và dịch vụ</b>		
<b>1</b>	<b>Chi cho đào tạo</b>		
<b>2</b>	<b>Chi cho nghiên cứu</b>		
<b>3</b>	<b>Chi cho phát triển đội ngũ</b>		
<b>4</b>	<b>Chi phí chung và chi khác</b>		
<b>III</b>	<b>Chi hỗ trợ người học</b>		
<b>1</b>	<b>Chi học bổng và hỗ trợ học tập</b>		
<b>2</b>	<b>Chi hoạt động nghiên cứu</b>		
<b>3</b>	<b>Chi hoạt động khác</b>		
<b>V</b>	<b>Chi khác</b>		
<b>C</b>	<b>CHÊNH LỆCH THU CHI</b>		

**4. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025**

*\* Chính sách hỗ trợ CPHT theo nghị định 116.*

- Tháng 9,10,11,12 năm 2024: Số tiền hỗ trợ là: 358.800.000 đ
- Tháng 1,2,3,4,5 năm 2025: Số tiền hỗ trợ là: 449.250.000 đ

*\* Chính sách hỗ trợ HSKT:*

- Tháng 9,10,11,12 năm 2024: Số tiền hỗ trợ là: 12.657.000 đ
- Tháng 1,2,3,4,5 năm 2025: Số tiền hỗ trợ là: 18.720.000 đ

*\* Chính sách hỗ trợ HS theo Nghị định 81*

- Số tiền hỗ trợ học sinh tổ chức ăn bán trú tháng 9,10,11,12 trong năm học 2024: 1.451.614.000 đ
- Số tiền hỗ trợ học sinh tổ chức ăn bán trú tháng 1,2,3,4,5 trong năm học 2024-2025 là: 1.932.840.000 đ.

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:**

### **1. Thực hiện công tác phòng chống dịch**

- Triển khai và thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo về công tác phòng dịch tại trường.

- Trang bị đầy đủ CSVC cho công tác phòng chống dịch và thực hiện đúng hướng dẫn của Bộ y tế, phun khử khuẩn tất cả các lớp và các phòng chức năng, phun thuốc diệt muỗi phòng bệnh sốt xuất huyết.

- Thực hiện tốt công tác VS ATTP.

## **2. Về các phong trào hoạt động khác:**

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Kết nạp được 109 đội viên mới trong năm học.

- HS vẽ tranh chủ đề: “Vẽ tranh của thiếu niên, nhi đồng về Chiến thắng Điện Biên Phủ và hình ảnh Điện Biên Phủ hôm nay”; HS tham gia cuộc thi “Đại sứ Văn hoá đọc”.

- Tham cuộc thi “Vũ điệu sân trường”, thi viết thư quốc UPU; Cuộc thi giới thiệu về thầy cô và mái trường mến yêu.

- Khuyến khích HS viết về Gương bạn tốt trong lớp, trường.

- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kĩ năng sống cho học sinh đặc biệt là kĩ năng phòng chống dịch bệnh.

- Thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào quyên góp ủng hộ.

## **3. Công tác xã hội hóa:**

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy học và chăm sóc học sinh.

- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia ủng hộ từ thiện, cùng nhà trường xây dựng, tôn tạo cảnh quan trường lớp học....

## **4. Công tác bán trú và chăm sóc sức khỏe học sinh:**

- Thực hiện tốt nề nếp bán trú, đảm bảo chế độ ăn hợp lý, phong phú, VSAT thực phẩm; hàng tuần công khai thực đơn và định lượng bữa ăn của HS trên trang website và bảng tin.

- Đại diện PHHS các lớp cùng BGH, công đoàn, y tế, thanh tra tham gia giám sát thực phẩm hàng ngày.

- Quan tâm sức khỏe HS; đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi dịch bệnh trong HS.

## **5. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:**

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.

- Tổ chức cho 100% giáo viên trong độ tuổi được tập huấn về tin học và ứng dụng phần mềm dạy học. Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.

- Chi bộ trường có 26 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ

### **6. Công tác quản lý:**

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra HĐSP của giáo viên. Tăng cường trật tự kỉ cương, nề nếp trong trường.

- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Thực hiện tốt việc quản lí tài chính phần mềm kế toán; bám sát quy chế chi tiêu nội bộ; đảm bảo thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Quản lí CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.

- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.

- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.

- Không có cá nhân bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.

- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường PTDTBT Tiểu học Hòa Ngãi theo mẫu 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (có hiệu lực thi hành từ ngày 19/7/2024)/.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT Mường Chà;
- Website của nhà trường;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



*Phạm Văn Diễm*